

Bản án số: 08/2021/DS - ST
Ngày: 12 - 4 - 2021
V/v kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc
Ông Trương Xuân Mâu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329 /2021/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tư C, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

+ Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Tiến C – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt

+ Bà Trần Thị H

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

+ Anh Nguyễn Ngọc S

Địa chỉ: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q; vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hương G

Địa chỉ: Thôn L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

+ Anh Nguyễn Tiến C

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

(Bà H, anh S, chị H, chị G và anh C là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Kim C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 và ngày 08 tháng 9 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tư C (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn C, cụ Nguyễn Thị Th, hai cụ sinh 05 người con, gồm: Ông Nguyễn Tư C, ông Nguyễn Kim C (chết năm 2018 có vợ là Trần Thị H và 04 con Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Tiến C), bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị T; hai cụ không có con nuôi; cụ C có 01 con riêng Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, cụ Nguyễn Thị Th không có con riêng. Cụ Nguyễn Văn C chết năm 1976, cụ Nguyễn Thị Th chết năm 1977, hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 600m² đất tại thửa đất số 446, tờ bản đồ số 06 xã Q, thị xã B (nay là thửa đất số 582 và 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q). Sau khi hai cụ chết ông Nguyễn Ngọc Th ở trên thửa đất này. Ngày 18 tháng 10 năm 1993 vợ chồng ông Th, bà H được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Q (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) vào sổ 15099 tại thửa đất số 446, tờ bản đồ số 6 xã Quảng Lộc. Năm 2017, được cấp đổi lại GCNQSDĐ số CI 872290 tại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 9 xã Q với diện tích 473,2m² mang tên ông Th, bà H và GCNQSDĐ số CI 894264 tại thửa đất số 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q với diện tích 122,3m² mang tên Nguyễn Tuấn V con trai ông Th, bà H. Do vợ chồng ông Th, bà H chuyển nhượng một phần diện tích của bố mẹ để lại cho người khác. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thị xã B đã cấp cho ông Th, bà H và anh Nguyễn Tuấn V, đồng thời chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H (viết tắt bị đơn) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ C,

cụ Th chết và di sản do hai cụ để lại. Tuy nhiên, ông Th, bà H trình bày lúc bố mẹ chết có để lại nhà và đất nhưng sau đó các anh, chị và em gái trong gia đình đã xây dựng gia đình và ra ở riêng, vợ chồng ông bà sinh sống tại nhà đất của bố mẹ, vì thế ông bà không được UBND xã giao đất làm nhà ở và đất màu sản xuất ở nơi khác. Ông bà sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và được cấp GCNQSDĐ lần đầu từ năm 1993, năm 2017 ông bà tách thửa và làm thủ tục tặng cho con trai Nguyễn Tuấn V 122,3m² theo đúng quy định. Mặt khác, việc khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đã hết thời hiệu. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai anh Nguyễn Tuấn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H. Năm 2017 ông Th, bà H tách cho anh 122,3m² từ diện tích đất của ông bà và diện tích đất này đã được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số CI 894264 ngày 31/8/2017 tại thửa đất số 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q. Nay ông Nguyễn Tư C khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của mình anh không nhất trí.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Bà là con đẻ của cụ C, cụ Th, bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn về tên, năm chết, các con và di sản của cụ C, cụ Th để lại. Bà không nhất trí với việc khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật thì bà nhường kỷ phần của mình được hưởng cho bị đơn Nguyễn Ngọc Th.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Bà là con đẻ của cụ C, cụ Th, bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn về tên, năm chết, các con và di sản của cụ C, cụ Th để lại. Bà không nhất trí với việc khởi kiện của nguyên đơn, bà nhất trí giao toàn bộ di sản của bố mẹ cho ông Th, bà H quản lý, sử dụng nếu có nhu cầu chuyển nhượng thì phải có ý kiến của các đồng thừa kế và ưu tiên cho các đồng thừa thừa kế nhận chuyển nhượng trước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án Trần Thị H, Nguyễn Ngọc S, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Tiến C là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Kim C; bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi liên quan vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản, không tham gia tố tụng.

Tại Công văn số 358/UBND – TNMT ngày 15/3/2021 và tại phiên tòa đại diện UBND thị xã B trình bày: Việc cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 1993 và cấp đổi GCNQSDĐ cho ông ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H được thực hiện đúng quy định của luật đất đai, do đó UBND thị xã B không chấp nhận việc khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tư C giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho

ông Th, bà H, anh V và chia di sản thừa kế của cụ C, cụ Th; ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tư C do thời hiệu khởi kiện đã hết. Miễn án phí vụ kiện cho nguyên đơn.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Tư C khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H và chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Cụ Nguyễn Văn C chết năm 1976, cụ Nguyễn Thị Th chết năm 1977. Ngày 24 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2020 của ông Nguyễn Tư C về yêu cầu chia di sản thừa kế về đất đai và hủy GCNQSDĐ của UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn V. Ngày 25 tháng 8 năm 2020, ông Nguyễn Tư C có đơn xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện; Ngày 01 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2020 của ông Nguyễn Tư C về nội dung yêu cầu giống nội dung đơn đề ngày 23/8/2020.

[3] Theo hướng dẫn tại giải đáp số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại

Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10 - 9 - 1990. Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ C, cụ Th đã hết hạn luật định. Hơn nữa, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Nguyên đơn, bị đơn và các đồng thừa kế trong vụ án đều thừa nhận cụ Nguyễn Văn C, cụ Nguyễn Thị Th để lại di sản 600m² đất tại thửa đất số 446, tờ bản đồ số 06 xã Q, thị xã B (nay là thửa đất số 582 và 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q). Theo các chứng cứ các đương sự giao nộp thì cụ C, cụ Th chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp các loại giấy tờ về quyền sở hữu thửa đất này.

[5] Việc UBND huyện Q (nay là thị xã B) cấp GCNQSDĐ lần đầu cho ông Nguyễn Ngọc Th vào ngày 18 tháng 10 năm 1993 là hoàn toàn đúng quy định của Luật đất đai năm 1987 (Luật đất đai năm 1987 không quy định về thừa kế đất đai).

[6] Trong thời gian bị đơn sử dụng thửa đất không có tranh chấp. Bị đơn kê khai và được UBND huyện Q (nay là thị xã B) cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 1993 và cấp đổi GCNQSDĐ năm 2017 các đồng thừa kế cũng không có tranh chấp, đặc biệt nguyên đơn trong vụ án này sinh sống cạnh nhà bị đơn (nhà ở cùng xóm, cùng thôn) biết rõ việc bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của cụ C, cụ Th nhưng nguyên đơn không có tranh chấp.

[7] Từ các phân tích tại các mục [2], [3], [4], [5] và [6] thấy việc nguyên đơn ông Nguyễn Tư C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 446, tờ bản đồ số 6 xã Q (nay là thửa đất số 582 và 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q) không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thị xã B đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn V tại thửa đất số 582 và 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q thấy: Như phân tích tại mục [6] thì không có căn cứ để chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế, do đó không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thị xã B đã cấp cho ông Th, bà H và anh Nguyễn Tuấn V.

[9] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn yêu cầu tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án đã tiến hành thành lập hội đồng để thẩm định và định giá tài sản chi phí hết 3.600.000 đồng. Do nguyên đơn khởi kiện nhưng không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này.

[10] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện nhưng không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi (sinh năm 1953) có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 40/2021/AL được Tòa án nhân dân tối cao quyết định công bố số 42/QĐ – CA ngày 12 tháng 3 năm 2021; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Tư C về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 872290 ngày 06/7/2017 và số CI 894264 ngày 31/8/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn V; chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 582 và 1190, tờ bản đồ số 9 xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Nguyễn Tư C phải chịu 3.600.000 đồng tiền chi phí tố tụng (ông C đã nộp đủ).

3. Ông Nguyễn Tư C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001675 ngày 01/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/4/2021. Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

